

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-11-2018

"Về việc ly hôn, tranh
chấp tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Be

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải, kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 và Quyết q9i5nh hoãn phiên tòa số 58/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn Th**, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 11B, xã Đông Hưng, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 8 Xáng 1, xã Đông Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Gang

Nơi đăng ký HKTT: Ấp Thạnh tây A, xã Đông Thạnh, huyện An Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1935 (có đơn xin xét vắng mặt)

- Ông **Lê Văn M** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8 Xáng 1, xã Đông Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Gang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06/4/2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/4/2018; tờ tự khai ngày 02/8/2018; biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2018 và

biên bản hòa giải ngày 17/10/2018 nguyên đơn ông Phạm Văn Th trình bày và yêu cầu như sau:

Ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Nh chung sống với như vợ chồng năm 2015 đến nay không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bà Nh ghen tuông vô cớ dùng lời lẽ xúc phạm đến ông. Nên tháng 2/2018 ông Th có làm đơn yêu cầu đến Tòa án yêu cầu giải quyết, Trong thời gian chờ Tòa án mời đến hòa giải thì bà Nh làm tờ cam kết với không làm việc sau như trước nên tôi ông rút đơn lại về đoàn tụ nhưng khi rút đơn về thì không được bao nhiêu ngày tính nào tạt ấy bà Nh không sửa mà còn sai phạm nhiều hơn nên ông tiếp tục làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: Ông Th và bà Nh không có con chung, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản: Ông và bà N về sống với nhau có mua của bà Nguyễn Thị Ng ở ấp 8 Xáng 1, xã Đông Hòa, huyện AM phần đất ngang 04 mét, dài đo từ mé sông ấp 8 xáng 1, xã Đông Hòa lên 21 mét (*kể cả lộ đân 2 mét*), khi nhận chuyển nhượng có làm giấy viết tay, giá nhận chuyển nhượng 05 chỉ vàng 24kra, sau khi nhận chuyển nhượng phần đất thì ông, bà mua cát lấp mặt bằng số tiền 4.000.000đ, khoan cây nước 4.000.000đ, tiền làm bờ kè 12.000.000đ. Diện tích đất ngang 04 mét x dài 21 mét, vị trí phần đất hướng đông giáp đất bà Phan Thị L, hướng tây giáp phần đất bà Nguyễn Thị Ng, hướng nam giáp đất ông Lê Văn M, hướng bắc giáp sông Xáng Thứ 8, xã Đông Hòa, huyện AM, Tổng chi phí đầu tư vào phần đất 20.000.000đ (làm bờ kè, cát lấp nền, khoan cây nước) ông Thuộc giao cho bà Nh sử dụng và sở hữu nhưng bà Nh phải giao lại cho ông Th $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 10.000.000đ, trong số 20.000.000đ và 2,5 chỉ vàng 24kra, trong số 05 chỉ vàng nhận chuyển nhượng đất, thời hạn giao vàng và tiền ngày 28/03/2019 âm lịch giao một lần đủ cho ông, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Về nợ: Ông và bà Nh không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2018 và biên bản hòa giải ngày 17/9/2018, bị đơn Nguyễn Thị Nh trình bày như sau:*

Bà Nh xác định về hôn nhân bà và ông Th chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Th đánh đập bà rất tàn nhẫn nên bà không còn chung sống với nhau từ ngày 30/10/2017 âm lịch cho đến nay. Về con chung, về tài sản chung đúng như ông Th trình bày. Bà đồng ý nhận phần tài sản mà ông Th giao và đồng ý thôi lại cho ông Thuộc $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gồm 2,5 chỉ vàng 24kra, trong số 05 chỉ vàng nhận chuyển nhượng đất của bà Nga, 10.000.000đ; trong số 20.000.000đ tiền đầu tư vào phần đất. Thời gian giao vàng và tiền cho ông Th vào ngày 20/03/2019 âm lịch. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2018 và đơn xin xét xử vắng mặt ông Lê văn Mười trình bày: Nguồn gốc đất giữa ông Thuộc và bà Nhiên đang*

tranh chấp là của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi bà Nga được xét cất nhà tình nghĩa không đất cất nên ông sang nhượng cho bà Ng phần đất nêu trên mãi đến nay không làm thủ tục sang tên theo quy định vì đất ít nên có làm giấy viết tay giữa ông và bà Ng, ông xác định diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà Nga xong, giữa ông, bà Nga, ông Th và bà Nh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2018 bà Nguyễn Thị Ng trình bày cụ thể như sau: Vào năm 2016 bà có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Th, bà Nh diện tích đất ngang 04 mét, dài từ mé nước sông Xáng ấp 8 1, xã Đông Hòa, huyện AM lên đến giáp phần đất ông Lê Văn M là 21 mét (kể cả lộ đàng 2,5 mét) khi chuyển nhượng có làm giấy viết tay và những người có đất giáp ranh ký chứng kiến, giá chuyển nhượng là 05 chỉ vàng 24k, hiện nay bà đã nhận vàng của ông Th và bà Nh xong, bà đo đất giao cho bà Nh và ông Th xong, Diện tích đất chuyển nhượng cho ông Th bà Nh là của bà nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Văn M năm 2014. Hiện nay giữa bà và ông Th, bà Nh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên;
- Bị đơn bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt lần thứ hai không lý do.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng, ông Lê Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Kiểm sát viện phát biểu về thực hiện tố tụng và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh đúng theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ý kiến gì, tham gia phiên họp, phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: bà Nhiên và ông Th sống với nhau như vợ chồng năm 2015 đến nay không đang ký kết hôn, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thuộc và bà Nh; Về con thì ông bà không có con chung, đề nghị không xem xét; Về tài sản chung: xác định tài sản chung của ông Th và bà Nh gồm có diện tích đất ngang 04 mét x dài 21 mét, vị trí hướng đông giáp đất bà Phan Thị Lan, hướng tây giáp phần đất bà Nguyễn Thị Nga, hướng nam giáp đất ông Lê Văn M, hướng bắc giáp sông Xáng Thứ 8, xã Đông Hòa, Căn cứ vào biên bản thỏa thuận giá trị tài sản giữa ông Th và bà Nh

do Tòa án lập ngày 17/10/2018 giữa ông Th và bà Nh tự xác định, sau khi ly hôn ông Th giao toàn bộ số tài sản cho bà Nh sử dụng và sở hữu, bà Nh giao lại cho ông Th $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 2,5 chỉ vàng 24kra, trong số 05 chỉ vàng chuyển nhượng đất và 10.000.000đ, trong số 20.000.000đ tiền đầu tư vào phần đất. Thời hạn bà Nhiên giao vàng và tiền cho ông Thuộc ngày 28/03/2019 âm lịch. Do tại phiên tòa hôm nay bà Nhiên vắng mặt nên không thể ghi nhận mà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Thuộc giao toàn bộ số tài sản cho bà Nhiên sử dụng và sở hữu, bà Nhiên giao lại cho ông Thuộc $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 2,5 chỉ vàng 24kra, trong số 05 chỉ vàng chuyển nhượng đất và 10.000.000đ, trong số 20.000.000đ tiền đầu tư vào phần đất là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phạm văn Thuộc yêu cầu xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nhiên là vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Nhiên, cư trú tại ấp 8 Xáng 1, xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý giải quyết là thuộc thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Nga, ông Lê văn Mười do ông Thuộc và bà Nhiên không khởi kiện nhưng là người chuyển nhượng phần đất cho ông Thuộc, bà Nhiên nên Tòa án đưa tư cách ông Mười và bà Nga vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Nguyễn Thị Nga, ông Lê văn Mười có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nga, ông Mười theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Nguyễn Thị Nhiên đã được Tòa án triệu tập đến lần hai mà vẫn vắng mặt không lý do, tại phiên Tòa ông Thuộc không yêu cầu Hội đồng xét xử hoãn phiên Tòa nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Điều của Bộ luật tố tụng dân sự,

[3] Về nội dung:

- Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Thuộc, bà Nhiên chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã nơi một trong hai người cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, ông, bà không được pháp luật công nhận là vợ chồng, cụ thể:

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý*

và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”

Do đó, đối chiếu với trường hợp của ông Thuộc, bà Nhiên thấy rằng, ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 và không đăng ký kết hôn, trong quá trình tố tụng ông Thuộc yêu cầu được ly hôn với bà Nhiên, tuy bà Nhiên đồng ý ly hôn với ông Thuộc, nhưng theo quy định của pháp luật đã được viện dẫn trên thì không thể ghi nhận thuận tình ly hôn giữa ông, bà mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Thuộc và bà Nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Ông Thuộc và bà Nhiên cùng thống nhất xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung: ông Thuộc và bà Nhiên thống nhất xác định có nhận chuyển nhượng diện tích đất của bà Nguyễn Thị Nga ngang 04 mét, dài 21 mét, tại ấp 8Xáng, xã Đông Hòa, huyện An Minh, trị giá 05 chỉ vàng 24kra, tiền đầu tư vào đất 20.000.000đ. Nay ông bà thỏa thuận với nhau cụ thể: Ông Thuộc giao toàn bộ tài sản cho bà Nhiên sử dụng và sở hữu, nhưng bà Nhiên thối lại cho ông Thuộc 10.000.000đ, trong số 20.000.000đ tiền đầu tư vào phần đất và 2,5 chỉ vàng 24kra, trong số 05 chỉ vàng giá trị quyền sử dụng đất, thời hạn bà Nhiên giao vàng và tiền cho ông Thuộc là vào ngày 28/03/2019 âm lịch, hình thức giao một lần đủ cho ông Thuộc, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Nhiên vắng mặt nên không thể ghi nhận mà chấp nhận yêu cầu của ông Thuộc và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp quy định tại các Điều 33, 59 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Thuộc và bà Nhiên cùng thống nhất xác định vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai, cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX cũng không xem xét.

[4] Về án phí, nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định: Căn cứ vào Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự; ông Phạm Văn Thuộc phải chịu 500.000đ, phần này ông Thuộc đã nộp xong.

[6] Đối với ông Lê Văn Mười và bà Nguyễn Thị Nga là người chuyển nhượng diện tích đất cho ông Thuộc và bà Nhiên, hiện nay các ông bà xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 273 và Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Không có, ông, bà không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung: giao cho bà Nhiên được sử dụng diện tích đất ngang 04 mét x dài 21 mét, vị trí hướng đông giáp đất bà Phan Thị Lan, hướng tây giáp phần đất bà Nguyễn Thị Nga, hướng nam giáp đất ông Lê Văn Mười, hướng bắc giáp sông Xáng Thứ 8, xã Đông Hòa, bà Nhiên phải giao lại cho ông Thuộc $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 2,5 chỉ vàng 24k, trong số 05 chỉ vàng giá trị quyền sử dụng đất và 10.000.000đ, trong số 20.000.000đ tiền đầu tư vào phần đất.

4. Về quan hệ nợ chung: Ông Thuộc, bà Nhiên cùng thống nhất xác định vợ chồng không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX cũng không xem xét.

5. Về án phí: Buộc ông Phạm Văn Thuộc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.212.500 đồng. Trong đó: Án phí xin ly hôn là 300.000 đồng và án phí được chia tài sản 912.500 đồng $[(10.000.000đ + (2,5 \text{ chỉ vàng } 24k \times 3.300.000đ/\text{chỉ}) \times 5\%]$, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0008784 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Hoàn trả lại cho ông Thuộc số tiền tạm ứng án 87.500 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Nhiên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung là 912.500 đồng.

6. Về chi phí xem xét thẩm định: ông Phạm Văn Thuộc phải chịu 500.000đ, ông Thuộc đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày tuyên án (Ngày 26/11/2018);

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Nhiên, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nga, ông Lê Văn Mười vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hòa;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Mỹ Huê